

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2026
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mười

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026; về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên số 97/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số B, đường B, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Minh K, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số B, đường B, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa vắng mặt vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T, anh Bùi Minh K tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn chị T, anh K chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không cùng quan điểm, bất đồng và không có sự tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã; mặc dù đã có gắng thay đổi nhưng do không còn tình cảm nên chị T, anh K chung sống không có hạnh phúc; chị T, anh K đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Hiện nay chị T không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh K nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị T, anh K có ba người con chung là Bùi Minh T1, sinh ngày 01/5/2014; Bùi Minh K1, sinh ngày 13/7/2017 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/5/2019; Hiện các con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn anh Bùi Minh K:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc, tham gia phiên toà. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026 thể hiện:

Anh Bùi Minh K, sinh ngày 09/10/1983; Căn cước công dân số 060083002034; Nơi cư trú: Số B, đường B, tổ A, thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026 thể hiện:

Chị T, anh K quen biết nhau một thời gian rồi tiến đến hôn nhân, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện và gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn chị T nhập khẩu cùng với gia đình anh K tại thôn Đ, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống chị T, anh K có ba người con chung là Bùi Minh T1, sinh ngày 01/5/2014; Bùi Minh K1, sinh ngày 13/7/2017 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/5/2019. Hiện nay chị T đã ra ở riêng và vợ chồng ly thân trước tết năm 2026 cho đến nay.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị T được ly hôn với anh K, giao ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17-Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con đối với anh Bùi Minh K hiện thường trú tại xã H, tỉnh Lâm Đồng nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Lâm Đồng và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*” được quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung.

[2] Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Bùi Minh K không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Chị Nguyễn Thị T, anh Bùi Minh K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 18/3/2013, số vào sổ 40/2013, quyền số

02/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T, anh K chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù các bên đã nhiều lần tự khuyên bảo, động viên nhau thay đổi nhưng vẫn không có kết quả; chị T, anh K đã ly thân từ năm 2025 cho đến nay; hiện nay chị T không còn tình cảm với anh K nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh K sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh K không còn muốn níu kéo hôn nhân, cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị T. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị T được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được quyền nuôi ba con chung Bùi Minh T1, sinh ngày 01/5/2014; Bùi Minh K1, sinh ngày 13/7/2017 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/5/2019, trong khi anh K không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ thời điểm ly thân đến nay các con đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tại các bản khai các con đều có nguyện vọng ở với chị T; nên cần giao các con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Chị T yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con. Nhận thấy, yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T là chính đáng, có căn cứ, bởi lẽ chị T là người trực tiếp nuôi con, nên anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, đồng thời mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con mà chị T đưa ra phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của các con, nên cần chấp nhận là phù hợp.

[6] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[7] Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Bùi Minh K.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 18/3/2013, số vào sổ 40/2013, quyền số 02/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba người con chung Bùi Minh T1, sinh ngày 01/5/2014; Bùi Minh K1, sinh ngày 13/7/2017 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/5/2019.

Anh Bùi Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh Bùi Minh K phải cấp dưỡng tiền nuôi ba người con chung Bùi Minh T1, sinh ngày 01/5/2014; Bùi Minh K1, sinh ngày 13/7/2017 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 30/5/2019 cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng, mỗi người con là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Chị T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004037, ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Bùi Minh K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 17- Lâm Đồng;
- UBND xã Hoài Đức, tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THA DS tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Phòng THADS Khu vực 17- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

Trần Đình Trường